

BỘ NGOẠI GIAO
HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

**GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY NGOẠI NGỮ VÀ
HƯỚNG DẪN KIỂM TRA PHÂN LOẠI TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ
ĐỐI VỚI SINH VIÊN K53**

PHẦN I: CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY NGOẠI NGỮ

I. Khái quát chung

Chương trình giảng dạy ngoại ngữ cho Khoá 53 của Học viện Ngoại giao có một số điểm lưu ý như sau:

- **Ngoại ngữ 1 (NN1):** là học phần bắt buộc. Sinh viên được lựa chọn một trong các ngoại ngữ sau: tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Nhật, tiếng Pháp hoặc tiếng Trung Quốc và được xếp lớp theo trình độ (nếu đáp ứng yêu cầu về trình độ và quy mô lớp học).

- **Ngoại ngữ 2 (NN2):** là học phần tự chọn (có tính vào kết quả học tập) đối với sinh viên các ngành Quan hệ quốc tế, Kinh tế quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Truyền thông quốc tế, Luật quốc tế, Luật Thương mại quốc tế, Hoa Kỳ học, Hàn Quốc học, Nhật Bản học, Trung Quốc học, và học phần bắt buộc đối với ngành Ngôn ngữ Anh. Sinh viên được lựa chọn một trong các ngoại ngữ sau: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn, tiếng Nhật, tiếng Đức, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Lào và được xếp lớp theo trình độ (nếu đáp ứng yêu cầu về trình độ và quy mô lớp học).

- Sinh viên có thể lựa chọn chỉ học NN1 hoặc học cả NN1 và NN2 nếu đạt được trình độ NN1 trung cấp đầu vào. Việc lựa chọn, phân loại trình độ và bắt đầu học NN1 sẽ được tiến hành từ đầu học kỳ I (học kỳ I năm 1). Đối với sinh viên K53, việc lựa chọn, phân loại trình độ và bắt đầu học NN2 sẽ được tiến hành từ học kỳ III (học kỳ I năm 2).

- Sinh viên các ngành Hoa Kỳ học, Hàn Quốc học, Nhật Bản học và Trung Quốc học học NN1 tương ứng là tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Nhật và tiếng Trung Quốc.

II. Khối lượng học tập

1. Ngành Quan hệ quốc tế, Kinh tế quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Truyền thông quốc tế, Luật quốc tế, Luật Thương mại quốc tế, Hoa Kỳ học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Trung Quốc học

Khối lượng học tập ngoại ngữ trong các chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học thuộc các ngành nêu trên được quy định như sau:

- Sinh viên được xếp trình độ NN1 Sơ cấp trong đợt phân loại trình độ ngoại ngữ đầu vào do Học viện Ngoại giao tổ chức (sau đây gọi tắt là phân loại trình độ) cần học đủ 30 tín chỉ NN1.

- Sinh viên được xếp trình độ NN1 từ Trung cấp trở lên trong đợt phân loại trình độ phải hoàn thành 24 tín chỉ ngoại ngữ bắt buộc. Sinh viên có thể lựa chọn học toàn bộ 24 tín chỉ NN1 hoặc học 15 tín chỉ NN1 + 09 tín chỉ NN2. Sinh viên phải đăng ký lựa chọn của mình vào các thời điểm theo quy định của từng bộ môn ngoại ngữ, nhưng không muộn hơn học kỳ III (học kỳ I năm 2).

- Đối với sinh viên học NN1 là tiếng Trung Quốc, sinh viên được xếp trình độ Sơ Trung trong đợt phân loại trình độ phải hoàn thành 24 tín chỉ NN1.

2. Ngành Ngôn ngữ Anh

Khối lượng các học phần ngoại ngữ của sinh viên ngành ngôn ngữ Anh gồm **91** tín chỉ, trong đó **82** tín chỉ là các học phần lý thuyết tiếng, thực hành tiếng và kỹ năng dạy bằng tiếng Anh hoặc kết hợp dạy bằng Tiếng Anh - Tiếng Việt (biên phiên dịch) và **09** tín chỉ NN2.

PHẦN II: PHÂN LOẠI TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ

I. TIẾNG ANH

1. Các phương thức phân loại trình độ

Sinh viên học ngành Ngôn ngữ Anh được phân loại theo 2 trình độ đầu vào: Trung cấp và Nâng cao; sinh viên các ngành khác học Tiếng Anh là NN1 hoặc NN2 được phân loại theo 3 trình độ đầu vào: Sơ cấp, Trung cấp và Nâng cao, theo một trong ba phương thức sau:

- Điểm chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế còn hạn và đạt được trước thời điểm phân loại trình độ ngoại ngữ đầu vào của sinh viên theo Quy định đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế/kết quả bài thi chuẩn hóa năng lực Tiếng Anh do Bộ môn Tiếng Anh biên soạn và Lãnh đạo Học viện Ngoại giao phê duyệt;

- Kết quả Kỳ thi phân loại trình độ ngoại ngữ đầu vào do Học viện Ngoại giao tổ chức (sau đây gọi là Kỳ thi phân loại trình độ). Cụ thể:

STT	Mức điểm		Trình độ phân loại
	Ngữ pháp - Đọc & Nghe	Nói	
1	Dưới 36/120 điểm	Miễn thi Nói	Sơ cấp
2	Từ 36 đến 75/120 điểm	Miễn thi Nói	Trung cấp
3	Từ 76/120 điểm trở lên	Dưới 20/30 điểm	Trung cấp
4	Từ 76/120 điểm trở lên	Từ 20/30 điểm trở lên	Nâng cao

- Kết quả của kì thi Học sinh giỏi (HSG) Tiếng Anh cấp quốc gia.

2. Thời điểm phân loại trình độ

- Đối với sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh và sinh viên học Tiếng Anh là NN1: trước khi bắt đầu học kỳ I năm 1.

- Đối với sinh viên học Tiếng Anh là NN2: trước khi bắt đầu học kỳ III (học kỳ I năm 2).

3. Các trình độ

a. Trình độ Sơ cấp

Căn cứ vào một trong các tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Sơ cấp trong Kỳ thi phân loại trình độ;

- Sinh viên có chứng chỉ IELTS dưới 4.5 hoặc các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế/kết quả bài thi chuẩn hóa năng lực Tiếng Anh tương đương theo Quy định đổi điểm;

- Sinh viên không có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đạt tiêu chuẩn và không tham gia kiểm tra trình độ.

b. Trình độ Trung cấp

Căn cứ vào một trong hai tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Trung cấp trong Kỳ thi phân loại trình độ;
- Sinh viên có chứng chỉ IELTS từ 4.5 đến dưới 6.0 hoặc các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế/kết quả bài thi chuẩn hóa năng lực Tiếng Anh tương đương theo Quy định đổi điểm.

c. Trình độ Nâng cao

Căn cứ vào một trong ba tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Nâng cao trong Kỳ thi phân loại trình độ;
- Sinh viên có chứng chỉ IELTS từ 6.0 trở lên hoặc các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế/kết quả bài thi chuẩn hóa năng lực Tiếng Anh tương đương theo Quy định đổi điểm;
- Sinh viên đạt giải Khuyến khích trở lên trong kỳ thi HSG Tiếng Anh cấp quốc gia.

II. TIẾNG PHÁP

1. Phương thức phân loại trình độ

Sinh viên học Tiếng Pháp là NN1 hoặc NN2 được phân loại theo 3 trình độ đầu vào: Sơ cấp, Trung cấp và Nâng cao theo một trong ba phương thức sau:

- Điểm chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế còn hạn và đạt được trước thời điểm phân loại trình độ ngoại ngữ đầu vào của sinh viên. Các chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế được công nhận bao gồm DELF, DALF và TCF (đủ 5 bài thi) và quy đổi tương ứng theo Quy định đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế mới nhất do Bộ môn Tiếng Pháp biên soạn, kết hợp với kết quả phần thi Nói trong đợt phân loại trình độ ngoại ngữ đầu vào do Học viện Ngoại giao tổ chức;

- Kết quả của kỳ thi Học sinh giỏi (HSG) Tiếng Pháp cấp quốc gia/tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương kết hợp với kết quả phần thi Nói trong đợt phân loại trình độ ngoại ngữ đầu vào do Học viện Ngoại giao tổ chức;

- Kết quả Kỳ thi phân loại trình độ gồm hai bài thi: Viết và Nói:

- Dưới 7/20 điểm: trình độ Sơ cấp;
- Từ 7-14/20 điểm: trình độ Trung cấp;
- Trên 14/20 điểm: trình độ Nâng cao.

2. Thời điểm phân loại trình độ

- Đối với sinh viên học Tiếng Pháp là NN1: trước khi bắt đầu học kỳ I (học kỳ I năm 1);

- Đối với sinh viên học Tiếng Pháp là ngoại ngữ 2: trước khi bắt đầu học kỳ III (học kỳ I năm 2).

3. Các trình độ

a. Trình độ Sơ cấp

Căn cứ vào một trong ba tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Sơ cấp trong Kỳ thi phân loại trình độ;
- Sinh viên có chứng chỉ DELF A1 hoặc TCF 100-199 điểm;
- Sinh viên không có chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế đạt tiêu chuẩn và không tham gia phân loại trình độ.

b. Trình độ Trung cấp

Căn cứ vào một trong ba tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Trung cấp trong Kỳ thi phân loại trình độ;
- Sinh viên có chứng chỉ DELF A2 - B1 hoặc chứng chỉ TCF 200-399 điểm trở lên kết hợp với kết quả phần thi Nói đạt trình độ Trung cấp trong đợt phân loại trình độ;
- Sinh viên đạt giải Khuyến khích trở lên trong kỳ thi HSG Tiếng Pháp cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kết hợp với kết quả phần thi Nói đạt trình độ Trung cấp trong Kỳ thi phân loại trình độ.

c. Trình độ Nâng cao

Căn cứ vào một trong ba tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Nâng cao trong đợt phân loại trình độ;
- Sinh viên có chứng chỉ DELF B2 trở lên hoặc chứng chỉ TCF từ 400 điểm trở lên hoặc đạt giải Khuyến khích trở lên trong kỳ thi HSG Tiếng Pháp cấp quốc gia kết hợp với kết quả phần thi Nói đạt trình độ Nâng cao trong Kỳ thi phân loại trình độ.

III. TIẾNG TRUNG QUỐC

1. Phương thức phân loại trình độ

- Sinh viên học tiếng Trung Quốc là **NN1** được phân loại theo **04** trình độ: **Sơ cấp, Sơ trung, Trung cấp** và **Nâng cao** căn cứ vào kết quả của Kỳ thi Phân loại trình độ, kết hợp điểm chứng chỉ HSK hoặc kết quả của kỳ thi Học sinh giỏi (HSG) Tiếng Trung Quốc cấp quốc gia/tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương và tương đương;
- Sinh viên học tiếng Trung Quốc là **NN2** được phân loại theo **02** trình độ: **Sơ cấp** và **Trung cấp** căn cứ vào kết quả của Kỳ thi phân loại trình độ, kết hợp điểm chứng chỉ HSK hoặc kết quả của kỳ thi Học sinh giỏi (HSG) Tiếng Trung cấp quốc gia/tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương và tương đương.

2. Thời điểm phân loại trình độ

Sinh viên học tiếng Trung Quốc được phân loại trình độ tại thời điểm như sau:

- Đối với sinh viên học tiếng Trung Quốc là NN1: trước khi bắt đầu học kỳ I;
- Đối với sinh viên học tiếng Trung Quốc là NN2: trước khi bắt đầu học kỳ III (học kỳ I năm 2).

3. Các trình độ

a. Trình độ Sơ cấp

Dành cho sinh viên đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Sơ cấp trong Kỳ thi phân loại trình độ;
- Sinh viên có chứng chỉ HSK cấp 1, 2;
- Sinh viên không có chứng chỉ HSK và không tham gia kì phân loại trình độ.

b. Trình độ Sơ trung

Sinh viên đạt trình độ Sơ trung trong Kỳ thi phân loại trình độ.

c. Trình độ Trung cấp

Sinh viên đạt trình độ Trung cấp trong Kỳ thi phân loại trình độ.

d. Trình độ Nâng cao

Sinh viên đạt trình độ Nâng cao trong Kỳ thi phân loại trình độ.

* **Lưu ý:** Sinh viên có chứng chỉ HSK hoặc đạt giải trong kỳ thi HSG tiếng Trung Quốc các cấp sẽ được cộng điểm khuyến khích trong Kỳ thi phân loại trình độ như sau:

- Cộng **0,25** điểm cho sinh viên có chứng chỉ HSK cấp 4 từ 260 điểm;
- Cộng **0,5** điểm cho sinh viên có chứng chỉ HSK cấp 5/ đạt Khuyến khích trở lên trong kỳ thi HSG Tiếng Trung cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương hoặc tương đương;
- Cộng **01** điểm cho sinh viên có chứng chỉ HSK cấp 6/ đạt giải Khuyến khích trở lên trong kỳ thi HSG Tiếng Trung cấp Quốc gia hoặc tương đương.

(Nếu thuộc nhiều diện khuyến khích, sinh viên chỉ nhận điểm khuyến khích cao nhất)

IV. TIẾNG NHẬT

1. Các phương thức phân loại

Sinh viên học Tiếng Nhật là NN1 hoặc 2 được phân loại được phân loại theo 3 trình độ đầu vào: Sơ cấp, Trung cấp và Nâng cao, theo một trong ba phương thức sau:

- Chứng chỉ JLPT (Japanese-Language Proficiency Test) do Japan Foundation và Japan Educational Exchanges and Services tổ chức mà sinh viên đạt được trước thời điểm tổ chức thi phân loại trình độ ngoại ngữ đầu vào;
- Kết quả Kỳ thi phân loại trình độ (thi viết);
- Kết quả trong kỳ thi Học sinh giỏi (HSG) Tiếng Nhật cấp quốc gia/tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

2. Thời điểm phân loại trình độ

- Đối với sinh viên học Tiếng Nhật là NN1: trước khi bắt đầu học kỳ I năm 1;
- Đối với sinh viên học Tiếng Nhật là NN2: trước khi bắt đầu kỳ III (học kỳ I năm 2).

3. Các trình độ

a. Trình độ Sơ cấp

Căn cứ vào một trong các tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Sơ cấp trong Kỳ thi phân loại trình độ;
- Sinh viên có chứng chỉ JLPT N5;
- Sinh viên không có chứng chỉ JLPT và không tham gia phân loại trình độ.

b. Trình độ Trung cấp

Căn cứ vào một trong hai tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Trung cấp trong Kỳ thi phân loại trình độ;

- Sinh viên có chứng chỉ JLPT N4 hoặc đạt giải Khuyến khích trở lên trong kì thi chọn Học sinh giỏi tiếng Nhật cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW bậc THPT.

c. Trình độ Nâng cao

Căn cứ vào một trong hai tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Nâng cao trong Kỳ thi phân loại trình độ;
- Sinh viên có chứng chỉ JLPT N3 trở lên hoặc đạt giải Khuyến khích trở lên trong kỳ thi chọn Học sinh giỏi tiếng Nhật cấp Quốc gia.

V. TIẾNG HÀN

1. Các phương thức phân loại

Sinh viên học tiếng Hàn là NN1 hoặc NN2 được phân loại theo 3 trình độ đầu vào: Sơ cấp, Trung cấp và Nâng cao, theo một trong các phương thức sau:

- Chứng chỉ TOPIK Speaking còn hạn;
- Chứng chỉ TOPIK truyền thống (PBT), TOPIK thi trên máy tính (IBT) còn hạn kết hợp kết quả thi Nói trong Kỳ phân loại trình độ;
- Kết quả trong kỳ thi Học sinh giỏi (HSG) Tiếng Hàn cấp quốc gia/tỉnh/thành phố; trực thuộc trung ương;
- Kết quả Kỳ thi phân loại trình độ (4 kỹ năng).

2. Thời điểm phân loại trình độ

- Đối với sinh viên học Tiếng Hàn là NN1: trước khi bắt đầu học kỳ I năm 1;
- Đối với sinh viên học Tiếng Hàn là NN2: trước khi bắt đầu học kỳ III (học kỳ I năm 2).

3. Các trình độ

a. Trình độ Sơ cấp

Căn cứ vào một trong các tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Sơ cấp trong Kỳ thi phân loại trình độ;
- Sinh viên mới bắt đầu học tiếng Hàn hoặc có chứng chỉ TOPIK dưới mức 3 (tương đương dưới B1 theo khung tham chiếu Châu Âu - CEFR);
- Sinh viên không có chứng chỉ TOPIK và không tham gia phân loại trình độ.

b. Trình độ Trung cấp

Căn cứ vào một trong ba tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Trung cấp trong Kỳ thi phân loại trình độ;
- Sinh viên có chứng chỉ TOPIK từ mức 3 tới mức 4 (tương đương từ B1 đến B2 theo khung tham chiếu Châu Âu - CEFR);
- Sinh viên đạt giải Khuyến khích trở lên trong kỳ thi HSG Tiếng Hàn cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

c. Trình độ Nâng cao

Căn cứ vào một trong ba tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Nâng cao trong Kỳ thi phân loại trình độ;
- Sinh viên có chứng chỉ TOPIK từ mức 5 trở lên (tương đương từ C1 trở lên theo khung tham chiếu Châu Âu - CEFR);
- Sinh viên đạt giải Khuyến khích trở lên trong kỳ thi HSG Tiếng Hàn cấp quốc gia.

VI. Tiếng Đức, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Lào

Tiếng Đức, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Lào được giảng dạy trong chương trình ngoại ngữ của Học viện dưới hình thức NN2. Sinh viên đăng ký học theo quy định về lựa chọn NN2 của Học viện.

Tiếng Đức, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Lào được giảng dạy ở một trình độ duy nhất là trình độ Sơ cấp. Thời điểm đăng ký học NN2 tiếng Đức, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Lào: trước khi bắt đầu học kỳ III (học kỳ I năm 2).

PHẦN III: HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ VÀ KIỂM TRA ĐẦU VÀO NGOẠI NGỮ

1. Đăng ký ngoại ngữ

- **10h00, Thứ Năm, ngày 20/8/2026:** Sinh viên tham gia buổi Tọa đàm trực tuyến giới thiệu “*Khung chương trình ngoại ngữ tại Học viện Ngoại giao và Hướng dẫn kiểm tra phân loại trình độ ngoại ngữ đối với K53*” (sinh viên xem Thông báo tại Fanpage: Tư vấn Tuyển sinh Học viện Ngoại giao hoặc Website: <https://www.dav.edu.vn> trước ngày tổ chức sự kiện).

- **Từ ngày 20/8/2026 - trước 24h00 ngày 23/8/2026:** Sinh viên đăng ký lựa chọn học NN1 và đăng ký kiểm tra xếp lớp NN1 theo link: <https://forms.gle/ePAsZ4qUauetCUHb7>

Lưu ý: Sinh viên cần đọc kỹ tài liệu *Giới thiệu về Chương trình giảng dạy ngoại ngữ tại Học viện Ngoại giao và Hướng dẫn kiểm tra phân loại trình độ ngoại ngữ đối với K53* để xác định đúng trình độ và yêu cầu của ngoại ngữ muốn đăng ký học.

2. Kiểm tra đầu vào ngoại ngữ

- **Ngày 04/9/2026:** Sinh viên **thuộc diện kiểm tra đầu vào ngoại ngữ** làm bài kiểm tra để xếp lớp phân loại trình độ NN1.

- Phòng Đào tạo đại học và Khoa Ngoại ngữ sẽ gửi email thông báo hướng dẫn cụ thể thời gian và cách thức kiểm tra cho các sinh viên thuộc đối tượng tham dự.

3. Thông báo kết quả xếp lớp trình độ ngoại ngữ

Ngày 06/9/2026: Sinh viên nhận Thông báo về Kết quả xếp lớp trình độ NN1.

Mọi thắc mắc cần giải đáp đề nghị liên hệ: Phòng Đào tạo đại học, Học viện Ngoại giao, Số 69, Phố Chùa Láng, Phường Láng, Hà Nội.

- Hotline: 081 981 1869

- Email: NhatTan-PDT@dav.edu.vn

- Website: <https://www.dav.edu.vn>

- Fanpage: Tư vấn Tuyển sinh Học viện Ngoại giao